

Phân tích nhân vật Huân Cao trong tác phẩm “Chữ người tử tù” của Nguyễn Tuân – bài mẫu 1

Nguyễn Tuân là cây bút xuất sắc của nền văn học Việt Nam cả trước và sau Cách mạng. Trước Cách mạng, Nguyễn Tuân nổi tiếng với các tác phẩm: Vang bóng một thời, Chiếc lư đồng mắt cua, Chùa Đàn... sau cách mạng nhà văn để lại dấu ấn sâu sắc qua một số tùy bút: Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi, Sông Đà... Chữ người tử tù là tác phẩm đặc sắc nhất của Nguyễn Tuân trích trong tập Vang bóng một thời. Nổi bật trong tác phẩm Chữ người tử tù đó chính là hình tượng người anh hùng Huân Cao mang vẻ đẹp tài hoa và khí phách anh hùng lẫm liệt khiến mỗi lần gấp trang sách lại ta không thể nào quên.

Là nhà văn “duy mỹ”, suốt đời đi tìm cái đẹp, Nguyễn Tuân đã thổi hồn vào những trang viết mang đến cho người đọc bao hình tượng đẹp. Tập truyện Vang bóng một thời có lẽ là nơi hội tụ những nét đẹp cao quý: thú uống trà đạo, thú chơi thư pháp, thả thơ, đánh thơ... Gắn liền với những thú chơi tao nhã ấy là những con người tài hoa bất đắc chí. Chữ người tử tù là tác phẩm đặc sắc của Nguyễn Tuân trích trong tập truyện ấy và Huân Cao là nhân vật được ông miêu tả đặc sắc nhất. Đó là anh hùng thời loạn hội tụ những phẩm chất tài năng: khí phách hiên ngang – thiên lương trong sáng – tài hoa uyên bác. Huân Cao là một nguyên mẫu lịch sử có thật của thế kỉ XIX, là hiện thân của võ tướng – người anh hùng của cuộc khởi nghĩa Mỹ Lương, một nhà thơ, nhà thư pháp Cao Bá Quát lừng lẫy một thời. Qua ngòi bút tài hoa của Nguyễn Tuân, nguyên mẫu lịch sử này đã tự nhiên đi vào trang văn và hiện lên lung linh sáng tỏ trên từng con chữ.

Sinh thời Cao Bá Quát có hai câu thơ sáng ngời nghĩa khí:

Thập cổ luân giao cầu cổ kiếm

Nhất sinh đề thủ bách mai hoa

(Mười năm lặn lội tìm gươm báu

Chỉ biết cúi đầu trước cành hoa mai)

Ngay từ đầu tác phẩm, Huân Cao đã hiện lên như ánh hào quang phủ kín cả bầu trời tỉnh Sơn. Qua lời trò chuyện của quản ngục và thơ lại ta thấy tiếng tăm

của Huấn Cao đã nổi như cồn. Điều làm cho bọn ngục quan phải kiêng nể không chỉ là tài viết chữ đẹp mà còn là “tài bẻ khóa, vượt ngục” của ông Huấn. Tuy nhiên, đây không phải là trò của bọn tiểu nhân vô lại đục tường khoét vách tầm thường mà là hình ảnh của một người anh hùng ngang tàng, một nam tử Hán đại trượng phu “Đỉnh thiên lập địa” không cam chịu cảnh tù đầy áp bức, muốn bứt phá gông cùm xiềng xích để thoát khỏi vòng nô lệ. Huấn Cao mang cốt cách ngạo nghễ, phi thường của một bậc trượng phu. Những kẻ theo học đạo Nho thường thể hiện lòng trung quân một cách mù quáng. Nhưng trung quân để rồi “dân luống chịu làm than muôn phần” thì hóa ra là tội đồ của đất nước. Ông Huấn đã lựa chọn con đường khác: con đường đấu tranh giành quyền sống cho người dân vô tội. Bị triều đình phán xét là kẻ tử tù phản nghịch, tội xử chém, là “giặc cỏ” nhưng trong lòng nhân dân lao động chân chính ông lại là một anh hùng bất khuất, một kẻ ngang tàng “chọc trời khuấy nước” sống ngoài vòng cương tỏa, lũng lầy chẳng khác gì 108 vị anh hùng Lương Sơn Bạc ở Trung Hoa năm xưa. Tuy chí lớn của ông không thành nhưng ông vẫn hiên ngang bất khuất, lung linh sáng tỏa giữa cuộc đời.

Trước uy quyền của nhà lao, con người ấy càng sáng tỏa. Trò tiểu nhân thị oai, dọa dẫm của bọn tiểu lại giữ tù càng làm cho ông thêm phần ngang ngạo. Ông vẫn giữ thái độ bình thản, xem thường, dỗi gông, phui rệp, hóm hình đùa vui. Huấn Cao “cúi đầu thúc mạnh đầu thang gông xuống đất đánh thuyền một cái” làm vỡ tan đi chốn trang nghiêm của chốn ngục tù. Đó là thái độ ngang tàng, bất chấp luật pháp của một xã hội dơ bẩn.

Người xưa thường nói “Nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại” (Một ngày ở trong tù bằng nghìn thu ở ngoài). Thay vì buồn rầu, chán nản “gậm một mối căm hờn trong cũi sắt” thì ông lại thản nhiên nhận rượu thịt và ăn uống no say coi như một việc vẫn làm trong cái hứng sinh bình. Chứng tỏ ông nào xem nhà tù là chốn ngục tăm tối mà chỉ xem nhà tù như một chốn dừng chân để nghỉ ngơi “Chạy mỗi chân thì hăng ở tù”.

Đối với quản ngục, Huấn Cao rất: lạnh lùng, khinh bạc xưng hô “ta – ngươi”, miệt thị hạ nhục “Ngươi bảo ta cần gì, ta chỉ cần ngươi đừng đặt chân vào

đây nữa”. Cách trả lời ngang tàng, ngạo mạn đầy trịch thượng như vậy là bởi vì Huấn Cao vốn hiên ngang, kiên cường; “đến cái chết chém cũng còn chẳng sợ nữa là...” Ông không thèm đếm xỉa đến sự trả thù của kẻ đã bị mình xúc phạm. Huấn Cao rất có ý thức được vị trí của mình trong xã hội, ông biết đặt vị trí của mình lên trên những loại dơ bẩn “cặn bã” của xã hội. “Bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất”. Nhân cách của Huấn Cao quả là trong sáng như pha lê, không hề có một chút trầy xước nào. Theo ông, chỉ có “thiên lương”, bản chất tốt đẹp của con người mới là đáng quý. Có lẽ chính vì vậy mà khi nghe tin xử trảm: ông vẫn thản nhiên, không sợ hãi, chỉ khẽ mỉm cười, bất chấp cái chết, coi thường cái chết.

Bên cạnh dũng khí ngất trời của một bậc hào hán, vẻ đẹp của Huấn Cao còn là vẻ đẹp của con người tài hoa. Ông có tài viết chữ đẹp. Trong thị hiếu thẩm mỹ của người xưa, ở Việt Nam cũng như ở Trung Quốc, viết chữ đẹp là cả một nghệ thuật cao quý (Thư pháp). Chơi chữ đẹp là một thú chơi thanh tao. Tài viết chữ đẹp của Huấn Cao do đó là biểu hiện của nét đẹp của văn hoá một thời. “Chữ ông Huấn Cao đẹp lắm, vuông lắm”. Đẹp đến mức người ta khát khao, ngưỡng vọng “có được chữ ông Huấn mà treo là có một báu vật trên đời”. Tuy nhiên, ông lại là người có ý thức giữ gìn cái đẹp, có lòng tự trọng: “Ta nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà ép mình viết câu đối bao giờ”. Nỗi khổ của quản ngục là có Huấn Cao trong tay, dưới quyền mình nhưng lại không thể nào có được chữ ông Huấn. Quản ngục và Huấn Cao là hai con người ở hai thế giới cách biệt, đối lập nhau: Quản ngục đại diện cho thế lực nhà tù, nắm giữ pháp luật; Huấn Cao là kẻ tử tù. Huấn Cao là người sáng tạo cái đẹp; quản ngục là người yêu quý cái đẹp lại là người bị ông trời “chơi ác, đem đày ải những cái thuần khiết vào giữa một đống cặn bã”. Trên bình diện xã hội họ là hai kẻ đối lập nhưng trên bình diện nghệ thuật họ lại là tri âm tri kỷ. Tình huống truyện là ở chỗ ấy, cả hai kẻ lại gặp nhau trong cảnh éo le này.

Lúc hiểu được tấm lòng viên quản ngục: Ông Huấn “lặng nghĩ”, “mỉm cười”, ngạc nhiên “ta cảm cái tấm lòng biệt nhơn liên tài... thiếu chút nữa ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ”. Lời nói rất chân tình, xúc động. Điều này

cho thấy Huân Cao là một người hiền ngang, khí phách nhưng cũng rất có nghĩa khí. Không thể phụ một “thanh âm trong trẻo chen lẫn giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ”.

Hai con người đồng nhất tỏa sáng trong đêm cho chữ “Một cảnh tượng xưa nay chưa từng có”. Nguyễn Tuân đã dồn hết bút lực của mình vào cảnh này. Nhà văn đã huy động vốn ngôn ngữ, tâm huyết và tài năng của mình dồn tụ lại trong một không khí cổ xưa hoành tráng của nghệ thuật thanh cao: VIẾT THƯ PHÁP.

Nhà văn dựng cảnh thật tài tình và đầy dụng ý nghệ thuật. Thủ pháp tương phản làm nên cảnh cho chữ bi tráng chưa từng thấy. Đó là sự đối lập giữa bóng tối và ánh sáng; giữa sự dơ bẩn của xã hội nhà tù và thiên lương trong sáng, khí phách rạo rực ngời. Tương phản giữa bó đuốc sáng rực trên vách nhà với đêm đen thăm thẳm; tương phản giữa vuông lụa trắng, thoi mực thơm và tường nhà, đất đầy mạng nhện, đầy phân chuột, phân gián. *“Ở đây sự đối lập giữa ánh sáng và bóng tối cứ giằng co nhau quyết liệt. Bóng tối quánh đặc như muốn nuốt tươi ánh sáng. Nhưng không, ánh sáng ở đây vẫn ngời chói vẫn ngời tỏ, sáng rực, chứ không như ánh sáng leo lét, buồn rầu của ngọn đèn con chị Tý và ánh sáng rực tỏa, chói lọi như đoàn tàu rồi lại chìm vào hư không của bóng đêm trong truyện ngắn “Hai đứa trẻ” của Thạch Lam. Song xét sâu xa hơn thì ánh sáng đó không chỉ đơn thuần mang ý nghĩa sắc màu vật lý mà ánh sáng đó mang sắc màu ý nghĩa nhân sinh đậm nét: ánh sáng của sự lương tri, của nhân tâm, của thiên lương trong sáng đã chiến thắng bóng tối của cường quyền, bạo lực. Sự chiến thắng đó là điều tất yếu sẽ xảy ra, bởi vì mọi cái thiện, cái cao cả, chính nghĩa cuối cùng sẽ chiến thắng. Với ánh sáng ấy đã cảm hóa con người một cách mạnh mẽ, nâng đỡ những con người có đức, mẫn mộ cái tài, nhưng yếu ớt trở về cuộc sống lương thiện... Sự chiến thắng đó là bản hùng ca, ca ngợi chữ tâm của con người thiên lương”* (Lưu Thế Quyền)

Viết thư pháp là nơi thư phòng thư sảnh sạch sẽ thoáng mát, có hoa có nguyệt, có men rượu cay nồng. Nhưng khung cảnh thường thấy ấy lại không hiện diện nơi đây. Ở đây, sự dơ bẩn, phạm tục được hiện hữu rất rõ: “một buồng tối

chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện, đất bừa bãi phân chuột, phân gián”. Sự nhem nhuốc, phàm tục lên đỉnh điểm. Nhưng sự xuất hiện của phiến lụa, của thoi mực thơm đã xua tan đi mùi ô uế. Nhưng sự ô uế dần dần biến mất, bởi “Cái đẹp là địa hạt của sự sống, cái đẹp đã lên ngôi thay thế cho cái xấu xa, thấp hèn, cái đẹp nâng đỡ con người”. Vì thế dù “Cổ đeo gông chân vướng xiềng” nhưng ông Huân vẫn tung hoành ngang dọc cái khát khao của đời mình lên từng vuông lụa trắng. Đó là thái độ uy nghi, đường hoàng, một thái độ của “hùm thiêng” khi đã “sa cơ” mà chẳng hèn chút nào. Thái độ ấy, đúng là “Thân thể ở trong lao – Tinh thần ở ngoài lao”. Người tù ấy đã ngự trị nơi bóng tối này với một dáng vóc uy nghi, lẫm liệt thật đường hoàng làm cho bọn quản lý nhà ngục phải khiếp sợ, kính nể: “viên quản ngục lại vội khúm núm cất những đồng tiền kẽm đánh dấu ô chữ đặt trên phiến lụa” và “thầy thơ lại gầy gò run run bung chậu mực”. Nét chữ của ông như rồng bay phượng múa, thiên lương của ông tỏa sáng lồng lộng chốn ngục tù. Tài hoa và thiên lương và khí phách đã hợp nhất thành Huân Cao. Dũng và Mỹ hợp thể làm nên bức tranh cho chữ sáng ngời.

Kỳ lạ thay, trong cảnh cho chữ này, pháp luật và uy quyền của nhà tù đã bị sụp đổ. Uy quyền và bạo lực giờ đây đã tan biến, nó bị khuất phục bởi cái đẹp, cái thiên lương. Ở đó không còn tử tù và quản ngục, thơ lại. Ở đó chỉ còn những con người yêu quý và biết thương thức cái đẹp. Cái xấu xa, cái ác, cái chết chóc nhường chỗ cho cái đẹp, cái bất tử. “Điều đó cho thấy rằng trong nhà tù tăm tối, hiện thân cho cái ác, cái tàn bạo đó, không phải cái ác, cái xấu đang thống trị mà chính cái Đẹp, cái Dũng, cái Thiện, cái cao cả đang làm chủ. Với cảnh cho chữ này, cái nhà ngục tăm tối đã đổ sụp, bởi vì không còn kẻ phạm tội tử tù, không có quản ngục và thơ lại, chỉ có người nghệ sĩ tài hoa đang sáng tạo cái đẹp trước đôi mắt ngưỡng mộ sùng kính của những kẻ liên tài, tất cả đều thấm đẫm ánh sáng thuần khiết của cái đẹp, cái đẹp của thiên lương và khí phách. Cũng với cảnh này, người tử tù đang đi vào cõi bất tử”.

Lời khuyên của Huân Cao đối với quản ngục lại một lần nữa khẳng định cái đẹp, cái thiên lương của con người: “Ở đây lẫn lộn ta khuyên thầy Quản nên thay

chốn ở đi. Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa với những nét chữ vuông vắn, tươi tắn nó nói lên cái hoài bão tung hoành của một đời con người”. Lời khuyên của Huân Cao đã khẳng định rằng: cái đẹp, cái thiện lương không bao giờ và không khi nào lại có thể chung sống với cái xấu, cái ác: *“Ở đây khó giữ thiên lương cho lành vững được và rồi cũng nhen nhúm mất cả cái đời lương thiện đi”.* Một lời khuyên thật thiện tâm, thiện ý của Huân Cao đã làm cho viên quan ngục cảm động: *“vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: – Kẻ mê muội này xin bái lĩnh”.* Câu nói : *“Kẻ mê muội này xin bái lĩnh”* đã cho thấy rằng: cái đẹp, cái thiện, cái tài hoa đã chiến thắng tuyệt đối. Cái đẹp của nghệ thuật đã xóa nhòa mọi khoảng cách và ranh giới đưa con người đến với nhau trong vẻ đẹp Chân – Thiện – Mỹ.

Thành công của **Chữ người tử tù** là ở cách tạo tình huống truyện độc đáo. Hai kẻ lúc đầu là đối lập, sau lại thống nhất hài hòa, cùng tỏa sáng hào quang. Nghệ thuật kể chuyện, cấu trúc tình tiết, lời thoại và độc thoại, khắc họa tính cách nhân vật đặc sắc. Nguyễn Tuân đã sử dụng một loạt từ Hán Việt rất đắt (pháp trường, tử tù, tử hình, nhất sinh, bộ tứ bình, bức trung đường, lạc khoản, thiên hạ, thiên lương, lương thiện, v.v...) tạo nên màu sắc lịch sử, cổ kính, bi tráng. Đúng Nguyễn Tuân là bậc thầy về ngôn ngữ, rất lịch lãm uyên bác về lịch sử, về xã hội. Đúng như lời Vũ Ngọc Phan đã nói: *“... văn Nguyễn Tuân không phải thứ văn để người nông nổi thưởng thức”.*